
Bản án số:60/2019/HS-ST
Ngày:27/9/2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến, ông Đinh Duy Quyết
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Minh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T sinh năm 1988 tại xã L, huyện N, tỉnh N, tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện N, tỉnh N. Nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ văn hóa: 9/12, con ông Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị T, vợ, con chưa có. Tiền án, tiền sự: Không

Lịch sử bản thân: Ngày 16/8/2017 bị Công an huyện N xử phạt về hành vi “Cất giấu trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/6/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh N cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Quách Văn H sinh năm 1993 tại xã L, huyện N, tỉnh N, tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện N, tỉnh N. Nghề nghiệp: Lao động tự do, trình độ văn hóa: 8/12, con ông Quách Văn L và bà Quách Thị Th; vợ, con chưa có. Tiền án, tiền sự : Không:

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/6/2019 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1- Tập đoàn B:

Trụ sở: Nhà V, số 57 H T K, Quận Đ, Thành phố. H.

Do ông Lê Hồng S - đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt.

2 – Tổng công ty viễn thông M:

Trụ sở: Tòa nhà M, Lô VP1, Khu Đô thị Y, Quận C, thành phố H. Do ông Trần Ngọc Q đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990- vắng mặt

Trú tại: Thôn H, xã L, huyện N tỉnh N

2- Anh Đinh Văn Th sinh năm 1984 - vắng mặt

Trú tại: Thôn L 2, xã L, huyện Nh tỉnh N

3- Chị Bùi Thị L sinh năm 1986 - vắng mặt

Trú tại: Thôn L 2, xã L, huyện N tỉnh N

Những người làm chứng: Bà Trần Thị Th vắng mặt, ông Đinh Văn Th có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quách Văn H và Nguyễn Văn T là bạn bè quen biết nhau và đều là người sử dụng ma túy. Buổi sáng ngày 17/6/2019, Túy đi đến nhà chị Đào Thị K D, sinh năm 1998 (*là em dâu của T*) mượn giấy tờ và xe mô tô biển kiểm soát 35B1 – 740.29 để đi chơi. Do có nhu cầu sử dụng ma túy nhưng không có tiền mua ma túy, nên T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 35B1 – 740.29 chở H đến quán sửa xe của anh Đinh Văn Th, sinh năm 1984, trú tại thôn L 2, xã L, huyện N vay 200.000 đồng và để lại giấy tờ xe mô tô biển kiểm soát 35B1 – 740.29 để làm tin; rồi điều khiển xe mô tô chở H đi đến khu vực Chùa Th L, thuộc địa phận thôn L 2, xã L, huyện N gặp và mua của một người đàn ông 200.000 đồng ma túy và cùng nhau sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, T nói với H “*Đi kiểm tiền để lấy giấy tờ xe ra*” - ý rủ H đi trộm cắp tài sản, H đồng ý. H và T bàn nhau đi tìm các Trạm viễn thông (BTS) tháo trộm dây cáp điện tiếp đất (dây chống sét) để bán. H nói: “*Đi mượn đồ để lấy dây đồng bán*”, T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở H đến nhà anh Đinh Văn Th mượn 01 chiếc cờ lê cỡ 13 (bằng kim loại màu trắng dài 16 cm, 01 đầu hình chữ “U”, 01 đầu hình tròn); đến nhà chị Bùi Thị L, sinh năm 1986, trú tại thôn L 2, xã L, huyện N mượn 01 chiếc kéo (bằng kim loại màu đen, tay nắm bọc nhựa màu đen, dài 23cm) để làm công cụ trộm cắp dây cáp điện. Sau đó, H điều khiển xe mô tô chở T đi đến địa bàn huyện G, tỉnh N tìm các Trạm viễn thông BTS. Trên đường đi H và T bàn bạc với nhau khi đến Trạm viễn thông BTS nếu gặp người dân thì sẽ giả làm nhân viên viễn thông đi sửa chữa, thay dây cáp điện, H sẽ trèo lên cột BTS để tháo dây cáp điện; còn T sẽ giả làm cấp trên của H nói chuyện với người dân để đánh lạc hướng chú ý, tránh bị người dân phát hiện. Khoảng 11 giờ cùng ngày, T và H đi đến xóm 13, thôn A, xã G, huyện G, thấy trạm thu phát sóng viễn thông BTS đặt trong vườn nhà ông Đinh Văn Th, sinh năm 1960, trú tại xóm 13, thôn An , xã G, huyện G (Ông Th nhận hợp đồng với Công ty Cổ phần H T việc trông coi trạm phát sóng viễn thông BTS đặt ở vườn nhà mình), H dừng xe và đứng ở cổng nhà ông Th gọi. Lúc này, bà Trần Thị H, sinh năm 1962 (*là vợ ông Th*) nghe tiếng gọi đi ra mở cổng, H nói “*Chúng cháu là nhân viên mạng đến kiểm tra cột*”. H đi đến cột thu phát sóng, còn T ngồi ở phần đá đặt ở góc sân uống nước, còn bà H đi vào trong nhà. Khoảng 20 phút sau, ông Th đi ra ngoài sân nói chuyện với T. Lợi dụng lúc ông Th không để ý, H trèo lên cột sóng, bò sang bảng tiếp địa dùng cờ lê mang theo tháo ốc bắt giữ 01 sợi dây cáp điện tiếp địa M35 của Trung tâm viễn thông G, tháo ốc bắt giữ 01 sợi dây cáp điện tiếp địa của Trung tâm mạng viễn thông M M B – Chi nhánh của Tổng công ty viễn thông

M, sau đó H dùng kéo cắt dây nhựa cố định dây cáp điện tiếp địa với cột sóng và tiếp tục trèo lên phía trên cột, dùng cờ lê tháo rời hai đầu dây cáp điện tiếp địa đầu nối với thiết bị gắn trên cột thu phát sóng BTS, thả dây cáp điện xuống đất. Lúc này, ông Th nghi ngờ nên đi ra trạm viễn thông BTS để kiểm tra. Bị phát hiện nên Hiền cầm theo kéo và cờ lê bỏ chạy. Ông Th hô hoán, bắt giữ được T và 01 xe mô tô biển kiểm soát 35B1-740.29, đồng thời trình báo sự việc đến Cơ quan Công an.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KLĐG-HĐ ngày 18/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G kết luận: 01 sợi dây cáp điện lõi đồng bọc nhựa PVC màu vàng xanh, nhãn hiệu ZHONGLI 35mm, dài 30m của Trung tâm viễn thông G trị giá 2.970.000 đồng; 01 sợi dây cáp điện lõi đồng bọc nhựa PVC màu vàng xanh, nhãn hiệu IEO 02 (RU) 16mm, dài 40m của Trung tâm mạng viễn thông M M B trị giá 1.540.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 4.510.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại cho Tập đoàn Bưu chính V 01 sợi dây cáp điện lõi đồng bọc nhựa PVC màu vàng xanh, nhãn hiệu ZHONGLI 35mm, dài 30m; trả lại cho Tổng công ty viễn thông M 01 sợi dây cáp điện lõi đồng bọc nhựa PVC màu vàng xanh, nhãn hiệu IEO 02 (RU) 16mm, dài 40m.

Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã ra quyết định chuyển: 01 chiếc cờ lê cỡ 13 và 01 chiếc kéo bằng kim, đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Viễn, để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số 47/CT- VKS-GV, ngày 02/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố Nguyễn Văn T, Quách Văn H ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản", áp dụng Điều 173, khoản 1 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến khiếu nại gì về kết luận định giá và Bản cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Túy, Quách Văn Hiền phạm tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng Điều 173 khoản 1; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự (BLHS): Xử phạt Nguyễn Văn Túy từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/6/2019. Xử phạt Quách Văn Hiền từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/6/2019. Về trách nhiệm dân sự đề nghị áp dụng Điều 48 BLHS, các Điều 357, 468, 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Túy, Quách Văn Hiền phải liên đới bồi thường theo thỏa thuận cho Tổng công ty Mobifone tổng số tiền là 1.540.000 đồng, theo phần bị cáo Nguyễn Văn Túy phải bồi thường số tiền là 770.000 đồng, bị cáo Quách Văn Hiền phải bồi thường số tiền là 770.000 đồng. Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS): Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cờ lê cỡ 13 (bằng kim loại màu trắng dài 16 cm, 01 đầu hình chữ "U", 01 đầu hình tròn) và 01 chiếc kéo (bằng kim loại màu đen, tay nắm bọc nhựa màu đen, dài 23cm); không áp dụng hình phạt bổ xung là hình phạt tiền đối với các bị cáo; các bị cáo phải nộp án phí theo luật định.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì, được nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa các bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời nhận tội của các bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện: Xuất phát từ việc Quách Văn H và Nguyễn Văn T là bạn bè quen biết nhau và đều là người sử dụng ma túy. Buổi sáng ngày 17/6/2019, T đi đến nhà chị Đào Thị Kim D (là em dâu của Túy) mượn giấy tờ và xe mô tô biển kiểm soát 35B1 – 740.29 để đi chơi nhưng sau đó T mang giấy tờ xe mô tô này đến nhà anh Đinh Văn Th, sinh năm 1984, trú tại thôn L 2, xã L, huyện N làm tin để vay số tiền 200.000 đồng. Túy và Thuật đã đi mua ma túy về sử dụng hết. Để có tiền trả cho anh Th, T nói với H “Đi kiếm tiền để lấy giấy tờ xe ra” - ý rủ H đi trộm cắp tài sản, H đồng ý đồng thời bàn với T đi tìm các Trạm viễn thông (BTS) tháo trộm dây cáp điện tiếp đất (dây chống sét) để bán lấy tiền. Sau đó, T và H đến nhà anh Đinh Văn Th mượn 01 chiếc cờ lê cỡ 13; đến nhà chị Bùi Thị Lan, sinh năm 1986, trú tại thôn L 2, xã L, huyện N mượn 01 chiếc kéo. Sau đó, khoảng 11 giờ cùng ngày, Túy và Hiền đi đến xóm 13, thôn A, xã G, huyện G, thấy trạm thu phát sóng viễn thông BTS đặt trong vườn nhà ông Đinh Văn Th. Để tiếp cận trạm BTS, Hiền gọi cổng và nói dối với bà Trần Thị H, (là vợ ông Th) là “Chúng cháu là nhân viên mạng đến kiểm tra cột”. Sau khi tạo được sự tin tưởng của ông Th và bà H, H đi đến cột thu phát sóng, trèo lên cột sóng, bò sang bảng tiếp địa dùng cờ lê kéo mang theo tháo cắt được 01 sợi dây cáp điện tiếp địa M35 của Trung tâm viễn thông G - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông V và 01 sợi dây cáp điện tiếp địa của Trung tâm mạng viễn thông M M B – Chi nhánh của Tổng công ty viễn thông M. Liên sau đó, ông Th nghi ngờ nên đi ra trạm viễn thông BTS để kiểm tra. Bị phát hiện nên H cầm theo kéo và cờ lê bỏ chạy. Ông Th hô hoán, bắt giữ được T và 01 xe mô tô biển kiểm soát 35B1-740.29, đồng thời trình báo sự việc đến Cơ quan Công an.

Rõ ràng các bị cáo đã giả danh làm nhân viên nhà mạng để che mắt người trông coi tài sản, lén lút chiếm đoạt được 01 sợi dây cáp điện lõi đồng bọc nhựa PVC màu vàng xanh, nhãn hiệu ZHONGLI 35mm, dài 30m, 01 sợi dây cáp điện lõi đồng bọc nhựa PVC màu vàng xanh, nhãn hiệu IEO 02 (RU) 16mm, dài 40m có trị giá theo bản kết luận định giá tài sản số 16/KLĐG-HĐ ngày 18/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G xác định lần lượt là 2.970.000 đồng và 1.540.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 4.510.000 đồng. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nhau, với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, và phù hợp với

các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả, nhân thân của các bị cáo và trị giá tài sản bị chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố các bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức được pháp luật hình sự bảo vệ.

[4] Về vai trò: Trong vụ án này, tuy ban đầu bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Hiền tìm tài sản chiếm đoạt, nhưng ngay sau đó bị cáo H hưởng ứng đồng thời khởi xướng rõ việc đi chiếm đoạt dây đồng ở các trạm BTS và H cũng là người trực tiếp thực hiện tội phạm tích cực nên hai bị cáo giữ vai trò như nhau trong vụ án.

[5]. Các bị cáo là những thanh niên tuổi đời còn trẻ, không chịu rèn luyện, tu chí làm ăn chân chính, mong muốn kiếm tiền bất chính dẫn đến phạm tội. Hành vi của các bị cáo gây tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu tới tình hình trị an của địa phương.

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở vai trò của từng bị cáo và các tình tiết tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, xét cần có một hình phạt thật nghiêm minh đối với các bị cáo bằng việc cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội đồng thời góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Do bị cáo T có nhân thân xấu hơn nên chịu hình phạt cao hơn.

[8] Về hình phạt bổ xung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định và đều phải sống phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ xung là hình phạt tiền đối với các bị cáo là thỏa đáng.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Đối với thiệt hại của Tổng công ty viễn thông M, tại phiên tòa các bên đã thỏa thuận theo đó các bị cáo sẽ có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Tổng công ty viễn thông Mobifone số tiền 1.540.000 đồng. Thỏa thuận này là phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận. Đối với thiệt hại của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông V quá trình điều tra đã được nhận lại nguyên vẹn tài sản và không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên phần trách nhiệm dân sự này không phải xử lý.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-740-29. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe mô tô trên là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Văn T, (em trai của T). T mượn xe mô tô của chị Đào Thị Kim D (là vợ anh T) làm phương tiện đi lại, việc T sử dụng xe mô tô làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, anh T,

chị D không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại tài sản trên cho anh T, là phù hợp.

Đối với 01 sợi dây cáp điện lõi đồng bọc nhựa PVC màu vàng xanh, nhãn hiệu ZHONGLI 35mm, dài 30m. Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của Tập đoàn Bru chính Viễn thôn V. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại tài sản trên cho Tập đoàn Bru chính Viễn thôn V là đúng pháp luật. Đối với 01 sợi dây cáp điện lõi đồng bọc nhựa PVC màu vàng xanh, nhãn hiệu IEO 02 (RU) 16mm, dài 40m. Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của Tổng công ty viễn thông Mobifone. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại tài sản trên cho Tổng công ty viễn thông M là đúng pháp luật.

Đối với 01 chiếc cờ lê cỡ 13 (bằng kim loại màu trắng dài 16 cm, 01 đầu hình chữ “U”, 01 đầu hình tròn) và 01 chiếc kéo (bằng kim loại màu đen, tay nắm bọc nhựa màu đen, dài 23cm). Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của anh Đinh Văn Th và chị Bùi Thị L, việc H mượn cờ lê và kéo sử dụng để trộm cắp tài sản, anh Th và Chị L không biết; nhưng do chiếc kéo và cờ lê đã cũ nên anh Th và chị L không đề nghị nhận lại, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với của người đàn ông bán ma túy cho các bị cáo ở khu vực Chùa Th L, thôn L 2, xã L, huyện N, do các bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ của người này, Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh nhưng không xác định được nên không có đủ căn cứ để xử lý trong vụ án này.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Quách Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 09(chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/6/2019.

Xử phạt: Quách Văn H 08(tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/6/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự : Căn cứ Điều 48 BLHS, các Điều 357, 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự.

Xử buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Quách Văn H phải liên đới bồi thường theo thỏa thuận cho Tổng công ty M tổng số tiền là 1.540.000 đồng, theo phần bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền là 770.000 đồng, bị cáo Quách Văn H phải bồi thường số tiền là 770.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cờ lê cỡ 13 (bằng kim loại màu trắng dài 16 cm, 01 đầu hình chữ “U”, 01 đầu hình tròn) và 01 chiếc kéo (bằng kim loại màu đen, tay nắm bọc nhựa màu đen, dài 23cm). (Đặc điểm chi tiết các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G với Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, ngày 06/8/2019).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc Nguyễn Văn T, Quách Văn H mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Người được thi hành án, người phải thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- VKSND huyện G;
- Bị cáo; người tham gia TT khác;
- Lưu HS, VP.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN HỮU QUỐC